

TÂM TRẠNG CỦA DOANH NHÂN TRONG KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN KHI NƯỚC TA HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI

Ths. Bùi Thị Vân Anh

Phó Trưởng phòng Phòng Tâm lý học doanh nhân.

TÓM TẮT

Nghiên cứu khảo sát về tâm trạng của doanh nhân trong khu vực kinh tế tư nhân khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới được thực hiện trong hai năm 2009 - 2010. Nghiên cứu cho thấy, xu hướng chung doanh nhân Việt Nam tỏ ra khá bình thản khi nước ta gia nhập kinh tế thế giới và họ quan tâm nhiều hơn đến những tác động tích cực của nền kinh tế toàn cầu. Những chủ doanh nghiệp lớn, những người có chức vụ cao trong doanh nghiệp, những người trải qua nhiều khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, những doanh nhân có lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành nghề được đào tạo có tâm trạng vui mừng phấn khởi khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới hơn những doanh nhân khác.

Từ khoá: Tâm trạng; doanh nhân; kinh tế thế giới.

Ngày nhận bài: 9/12/2011; Ngày duyệt đăng bài: 25/6/2012

1. Đặt vấn đề

Tâm trạng là trạng thái xúc cảm của con người tồn tại trong những khoảng thời gian nhất định, phản ánh những biến đổi diễn ra trong cuộc sống có ý nghĩa đối với cá nhân. Tâm trạng có vai trò to lớn đối với mỗi cá nhân và đối với xã hội. Nó có xu hướng lan tỏa và bao trùm tất cả các lĩnh vực hoạt động tâm lý, góp phần điều tiết tích cực trong tình cảm, nhận thức và hành động của con người.

Hội nhập kinh tế thế giới tạo ra cơ hội, đồng thời cũng là thách thức đối với mỗi quốc gia nói chung và từng doanh nghiệp nói riêng. Khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), bên cạnh những thuận lợi là vô vàn thách thức đang đặt ra cho doanh nghiệp. Đứng trước những tác động đó, các doanh nhân nước ta có tâm trạng như thế nào? Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề cập thực trạng tâm trạng của doanh nhân khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phỏng vấn cá nhân bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu

Để tài tiến hành nghiên cứu trên 640 khách thể là doanh nhân tại ba địa bàn Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2009. Mẫu nghiên cứu được phân bố như sau:

Bảng 1: Phân bố mẫu nghiên cứu

Các tiêu chí		Số lượng	Tỷ lệ %
Tỉnh thành	Hà Nội	250	39,0
	Đà Nẵng	193	30,2
	Hồ Chí Minh	197	30,8
Tuổi	Dưới 35	143	23,1
	Từ 36 đến 50	387	62,6
	Từ 51 trở lên	88	14,3
Học vấn	Phổ thông	18	3,0
	Trung cấp/ Cao đẳng	56	10,4
	Đại học	388	62,6
	Sau đại học	146	24,0
Giới tính	Nam	452	72,4
	Nữ	172	27,6
Hôn nhân	Đã có vợ/chồng	551	86,6
	Chưa có vợ/chồng	85	13,4
Chức vụ trong doanh nghiệp	Tổng giám đốc	48	7,9
	Phó tổng giám đốc	58	9,7
	Giám đốc	338	56,0
	Phó giám đốc	106	17,5
	Khác	54	8,9
Tuổi làm chủ	Dưới 30 tuổi	236	41,6
	Từ 31 đến 40	223	39,4

	Từ 41 trở lên	108	19,0
Mức độ phù hợp nghề đào tạo và lĩnh vực	Phù hợp	228	36,4
	Tương đối phù hợp	326	52,1
	Không phù hợp	72	11,5

3. Tâm trạng của doanh nhân khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới

3.1. Tâm trạng chung

Bảng 2: Biểu hiện tâm trạng chung của doanh nhân khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới

Mức độ biểu hiện tâm trạng	Tần xuất	Phần trăm
Lo lắng	83	13,0
Bình thường	472	73,8
Phấn khởi	85	13,3
Tổng	640	100

Kết quả khảo sát thực tiễn ở bảng 2 cho thấy, phần lớn các doanh nhân được khảo sát (73,8%) có tâm trạng khá bình thản khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới. Chỉ có một số ít doanh nhân (85 người, chiếm 13,3%) có tâm trạng phấn khởi, một con số tương ứng doanh nhân (83 người, chiếm 13%) có tâm trạng lo lắng trước sự kiện này. Có lẽ do đã lường trước được những khó khăn, thách thức bên cạnh những thuận lợi mà hội nhập kinh tế thế giới đem lại cho nền doanh nhân không quá hồ hởi trước sự kiện này chăng? Tuy nhiên, phân tích chi tiết các mệnh đề xoay quanh nội dung phản ánh tâm trạng của doanh nhân khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới theo điểm trung bình (kết quả bảng 3) kết quả cho thấy, các doanh nhân quan tâm nhiều đến những thuận lợi hơn là khó khăn do hội nhập kinh tế thế giới đem lại. Những vấn đề khiến doanh nhân quan tâm hơn cả là:

Khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới sẽ mang lại nhiều cơ hội việc làm cho người dân thông qua xuất khẩu hàng hóa và xuất khẩu lao động (ĐTB: 2,49). Bên cạnh đó, cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, chất lượng lao động nước ta sẽ được cải thiện thông qua việc tiếp thu công nghệ mới, cách quản lý tiên tiến của nước ngoài (ĐTB: 2,43). Một điều nữa là

cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đất nước ta sẽ có cơ hội được đón nhận đầu tư nước ngoài ngày một nhiều (ĐTB: 2,40). Nếu tính theo tỷ lệ phần trăm thì gần một nửa doanh nhân (49%) có tâm trạng thường xuyên phấn khởi, tin tưởng khi nghĩ rằng, hội nhập kinh tế thế giới sẽ mang lại cơ hội việc làm cho người dân. Chỉ có khoảng 1% doanh nhân không cảm thấy vui mừng, 45% doanh nhân thường xuyên vui mừng vì cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, chất lượng lao động nước ta sẽ được cải thiện, 41% thường xuyên vui mừng vì cùng với toàn cầu hóa nước ta sẽ có cơ hội đón nhận đầu tư nước ngoài ngày một nhiều hơn. Chỉ có chưa đến 1% doanh nhân không có cảm giác này. Thái độ tích cực về vấn đề hội nhập kinh tế thế giới cũng được chủ doanh nghiệp phòng cháy chữa cháy ở thành phố Đà Nẵng đề cập đến trong phỏng vấn sâu: “Tôi nghĩ việc hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội rất tốt cho Việt Nam, các doanh nghiệp nên tận dụng cơ hội này để phát triển đi lên, bản thân tôi nhận thấy, công ty có rất nhiều cơ hội và giai đoạn tới mình phải cố gắng đột phá để phát triển ổn định”.

**Bảng 3: Tâm trạng của doanh nhân khi nước ta
hội nhập kinh tế thế giới**

Phương án trả lời	ĐTB	Không bao giờ (%)	Thỉnh thoảng (%)	Thường xuyên (%)
Các mệnh đề				
1. Tôi thực sự phấn khởi vì tin tưởng rằng, cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, đất nước ta sẽ có cơ hội được đón nhận đầu tư nước ngoài ngày một nhiều hơn	2,40	0,6	58,3	41,0
2. Tôi thực sự vui mừng khi nghĩ rằng, cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, chất lượng lao động nước ta sẽ được cải thiện thông qua việc tiếp thu công nghệ mới và cách quản lý tiên tiến hơn	2,43	2,5	52,2	45,0
3. Tôi luôn hy vọng rằng, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sẽ mang lại nhiều cơ hội việc làm cho người dân thông qua xuất khẩu hàng hoá và xuất khẩu lao động	2,49	0,9	49,5	49,0
4. Tôi thật sự lo rằng, vì thiếu kinh nghiệm kinh doanh quốc tế mà một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của các doanh nghiệp nước ta có thể sẽ bị chèn ép về giá cả cũng như các tiêu chuẩn chất lượng khác (*)	1,65	8,8	47,6	43,6

5. Hàng hoá nước ngoài lan tràn trên thị trường với giá thấp hơn nhiều làm tôi thực sự lo sợ vì doanh nghiệp tôi có thể sẽ bị phá sản nếu như không chuyển đổi kịp thời ngành nghề kinh doanh (*)	1,79	14,0	50,9	35,1
6. Thời gian qua tôi luôn phải căng thẳng, lo nghĩ vì công việc của doanh nghiệp gặp không ít khó khăn do tình trạng suy thoái của nền kinh tế thế giới (*)	1,72	10,2	52,0	37,7
ĐTB chung toàn thang đo	2,08			

Ghi chú: Mức điểm đánh giá theo thang Thường xuyên = 3; Thành thạo = 2; Không bao giờ = 1. Những mệnh đề có dấu () đã được tính ngược điểm so với các mệnh đề khác.*

Tuy con số các doanh nhân có tâm trạng phấn khởi, vui mừng trước những thuận lợi do hội nhập kinh tế thế giới đem lại còn thấp nhưng điều này đã cho thấy, doanh nhân ý thức được những tác động tích cực từ việc hội nhập kinh tế thế giới. Có thể thấy, sự quan tâm, phấn khởi của các chủ doanh nghiệp được hỏi là có cơ sở bởi thực tế đã cho thấy, những cơ hội việc làm mà các doanh nghiệp cũng như người lao động Việt Nam có được khi nước nhà hội nhập kinh tế thế giới. Mặt khác, chúng ta đều biết lao động là một lợi thế cạnh tranh của Việt Nam vì chi phí lao động rẻ, tuy nhiên, năng suất lao động chỉ ở mức trung bình và thấp, chủ yếu lại là lao động thủ công, tác phong lao động công nghiệp còn kém. Do đó, nếu so sánh lao động Việt Nam với lao động các nước trong khu vực thì có thể nói đây là điểm yếu của Việt Nam. Thông qua hội nhập kinh tế thế giới, chúng ta sẽ được tiếp thu cách quản lý tiên tiến, khoa học của nước ngoài. Lao động Việt Nam được làm quen với tác phong công nghiệp, từ đó chất lượng lao động sẽ được cải thiện hơn. Thực tế cũng cho thấy, trong những năm qua, nhiều doanh nghiệp đã có những đổi mới, có nhiều máy móc thiết bị và công nghệ mới được chuyển giao từ các nước công nghiệp phát triển. Song tốc độ đổi mới công nghệ và trang thiết bị còn chậm, chưa đồng đều và chưa theo một định hướng phát triển rõ rệt. Theo đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ thì đổi mới công nghệ thuộc loại năng lực yếu nhất của các doanh nghiệp Việt Nam. Sự lạc hậu về công nghệ và kỹ thuật sẽ tạo ra chất lượng sản phẩm thấp và không ổn định làm cho doanh nghiệp khó khăn trong việc lựa chọn mặt hàng kinh doanh, hạn chế khả năng cạnh tranh bằng giá (giá thành các sản phẩm trong nước cao hơn các sản phẩm nhập khẩu từ 20% - 40%). Khi nước ta hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo cơ hội cho các nhà sản xuất kinh doanh Việt Nam mở rộng quan hệ, tiếp cận phương thức quản lý tiên tiến, tiếp thu khoa học - công nghệ của quốc tế, dám đương đầu với cạnh tranh. Quá

trình hội nhập cũng thúc ép các doanh nghiệp trong nước phải tiến hành đổi mới, xoá bỏ tính ỷ lại vào sự bảo hộ của Nhà nước, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy, trước những thách thức của hội nhập kinh tế thế giới, các doanh nhân cũng có những biểu hiện lo lắng nhưng ở mức độ không thường xuyên (các mệnh đề thể hiện sự lo lắng của các doanh nhân khi nước nhà hội nhập kinh tế thế giới có điểm trung bình thấp, thấp hơn điểm trung bình chung của toàn thang đo, số liệu bảng 2). *Điều khiến các doanh nhân lo lắng hơn cả khi hội nhập là vấn đề hàng hoá nước ngoài lan tràn trên thị trường với giá thấp hơn, nếu các doanh nghiệp trong nước không cạnh tranh nổi với hàng hóa nước ngoài về giá cả sẽ có nguy cơ phá sản* (ĐTB: 1,79). Nếu tính theo tỷ lệ phần trăm thì phần lớn doanh nhân có lo lắng đến vấn đề này (64,9%) với các mức độ khác nhau: Hơn 1/3 (35,1%) doanh nhân được hỏi thường xuyên lo lắng; khoảng 1/2 doanh nhân (50,9 %) thỉnh thoảng có lo lắng; chỉ có khoảng hơn 1/10 (14%) doanh nhân được hỏi không bao giờ lo lắng đến vấn đề này. Số doanh nhân không có biểu hiện lo lắng có lẽ do họ có sự tự tin vào chất lượng, giá cả hàng hóa của doanh nghiệp mình hoặc họ nghĩ rằng, doanh nghiệp Việt nam khó có nguy cơ phá sản? Theo ý kiến của một doanh nhân ở Hà Nội: *"Theo tôi, khi nước ta hội nhập kinh tế quốc tế, có một điều đáng lo ngại là các doanh nghiệp bán lẻ của ta do mẫu mã, giá cả hàng hoá kém mà cạnh tranh được với hàng hoá của các doanh nghiệp khác trên thế giới, cụ thể là hàng của Trung Quốc mẫu mã đẹp, giá thành lại rẻ. Tuy nhiên, đối với một số doanh nghiệp lớn có uy tín của Việt Nam thì vẫn có cơ hội có nhiều việc làm trong điều kiện như hiện nay, không lo nguy cơ phá sản"*. Hoặc lo lắng về thị trường như ý kiến của chủ doanh nghiệp nhóm kinh nhỏ ở thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: *"Khi hội nhập kinh tế quốc tế, một số doanh nghiệp lớn khác và một số ngành xuất nhập khác thì người ta có lợi, còn doanh nghiệp của tôi chỉ sản xuất hàng nhóm kinh trong nước và là doanh nghiệp nhỏ cho nên cũng chưa thấy có gì là lợi mà còn gặp khó khăn hơn vì chúng tôi phải cạnh tranh nhiều hơn mà vốn thì ít. Lợi thế dành cho những doanh nghiệp nhập khẩu hàng nước ngoài, họ là đại lý lớn, vốn nhiều"*

Một vấn đề phản ánh tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế thế giới là vấn đề suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp (ĐTB: 1,72). Nếu tính theo tỷ lệ phần trăm chỉ có một số ít doanh nhân, khoảng 1/10 (10,2%) không lo lắng; còn lại hầu hết các doanh nhân (87,7%) đều cảm thấy lo lắng về vấn đề này. Thực tế cho thấy, đây là một vấn đề khiến rất nhiều người lo lắng chứ không riêng giới doanh nhân. Chúng ta đều biết, khi đã ra nhập WTO thì các doanh nghiệp Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế thế giới là điều không thể tránh khỏi, tuy nhiên ở mỗi nước, mỗi doanh nghiệp, hệ quả này sẽ xảy ra ở mức độ nào mà thôi. Lãnh đạo một doanh

ngành xây dựng ở Hà Nội cho biết: “Theo tôi, đứng trước tình hình suy thoái kinh tế thế giới thì đầu tư của nước ngoài vào Việt nam sẽ bị giảm đi. Theo đó, nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước cũng giảm, điều kiện công ăn việc làm giảm. Điều này dẫn đến tâm lý lo sợ không dám mạnh dạn đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Tâm lý bảo an (dự phòng rủi ro bất thường do suy thoái kinh tế), điều này có cả ở lĩnh vực tín dụng ngân hàng do tâm lý lo sợ khi một số ngân hàng trên thế giới bị phá sản, do đó sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến việc sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp”. Chỉ một số ít chủ doanh nghiệp không lo lắng nhiều về vấn đề này có lẽ do doanh nghiệp của họ ít bị ảnh hưởng bởi tình trạng suy thoái của kinh tế toàn cầu hoặc họ tự tin rằng, doanh nghiệp của họ sẽ vượt qua được giai đoạn khủng hoảng này.

Vấn đề thứ 3 khiến các doanh nhân được hỏi lo lắng chính là vì thiếu kinh nghiệm kinh doanh quốc tế mà một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của các doanh nghiệp nước ta có thể bị chèn ép về giá cả cũng như các tiêu chuẩn chất lượng khác (ĐTB: 1,65). Tính theo tỷ lệ phần trăm, gần một nửa doanh nhân (43,6%) thường xuyên lo lắng về vấn đề này. Số doanh nhân có biểu hiện lo lắng thường xuyên khá cao (43,6%) so với số doanh nhân không lo lắng (8,8%) cho thấy, vấn đề này đã tác động không nhỏ đến tâm trạng của các doanh nhân. Một số doanh nhân lo lắng về việc chưa nắm rõ luật kinh doanh trên thị trường quốc tế. Theo một doanh nhân ở Hà Nội: “Khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO, hầu như mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nước ta đều bị chi phối bởi những ràng buộc đã ký với WTO. Do đó, tâm trạng của nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng giống như những vận động viên tham gia thi đấu quốc tế mà chưa biết luật thi đấu như thế nào, do đó không thể nói được đâu là lợi thế cụ thể cả. Có lẽ tốt nhất là chuẩn bị chịu đòn năm ba hiệp đấu để mò mẫm luật thi đấu, chuẩn bị chấp nhận sự thất bại của một số vận động viên rồi rút kinh nghiệm để có được cái kiến thức hàng giành thắng lợi về sau”

Chúng ta đều biết, hiện nay, khi thị trường thế giới mở ra rộng lớn hơn thì kèm đó cũng thắt chặt hơn với từng chủng loại sản phẩm hàng hoá bởi những quy định ngặt nghèo hơn về chất lượng, quy cách, chủng loại sản phẩm. Đây cũng là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp xuất khẩu non trẻ của Việt Nam. Thực tế cho thấy, thời gian vừa qua một số mặt hàng của Việt Nam như tôm, cá tra, giày da... xuất sang thị trường Mỹ, EU luôn gặp phải trở ngại bởi nhiều lý do khác nhau. Điều này gây không ít thiệt hại, lúng túng cho các doanh nghiệp xuất khẩu của ta. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, có những doanh nghiệp, trong sự khó khăn đó họ lại tìm được lối đi riêng cho mình để khẳng định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế, có thể vì thế các chủ doanh nghiệp không quá lo lắng về vấn đề này.

3.2. Những khác biệt trong tâm trạng của doanh nhân khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới so sánh theo các tiêu chí khác nhau

Số liệu so sánh chỉ ra rằng, khi so sánh kết quả đánh giá các mệnh đề phản ánh tâm trạng của doanh nhân khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới, chúng tôi nhận thấy có một số khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê (với $p < 0,05$) trong đánh giá của các doanh nhân có chức vụ khác nhau trong doanh nghiệp, giữa các doanh nhân điều hành các loại hình doanh nghiệp khác nhau, giữa các doanh nhân ở các lứa tuổi khác nhau, giữa những người trải qua số lượng các khóa học chuyên môn nghiệp vụ khác nhau, giữa những người có ngành nghề được đào tạo phù hợp với lĩnh vực kinh doanh và những người có ngành nghề đào tạo không phù hợp với lĩnh vực kinh doanh.

Kết quả phân tích cho thấy, chức vụ khác nhau trong doanh nghiệp cũng ảnh hưởng đến tâm trạng của các chủ doanh nghiệp khi nước nhà hội nhập kinh tế thế giới. Cụ thể, những doanh nhân là tổng giám đốc quan tâm và có sự vui mừng hơn cả (ĐTB: 2,20), tiếp theo là phó tổng giám đốc (ĐTB: 2,14); Giám đốc (ĐTB: 1,96); Phó giám đốc (ĐTB: 1,95). Có thể với những trọng trách cao hơn trong doanh nghiệp đã khiến những doanh nhân có chức vụ cao hơn phải quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề do hội nhập kinh tế mang lại và họ dễ dàng nhìn thấy những cơ hội mà hội nhập kinh tế thế giới đem lại cho doanh nghiệp hơn?

Lứa tuổi của doanh nhân cũng có ảnh hưởng đến tâm trạng của họ khi nước nhà hội nhập kinh tế thế giới. Nhóm doanh nhân ở độ tuổi trên 40 có sự quan tâm đến hội nhập kinh tế thế giới hơn nhóm doanh nhân ở độ tuổi dưới 30 với ĐTB là 2,08 so với 1,93. Có thể cùng với tuổi tác nhiều hơn, sự trải nghiệm trong công việc cũng nhiều hơn, cùng với sự trải nghiệm này thì sự quan tâm, lo lắng cho công việc của mình nhiều hơn chăng?

Loại hình, kích cỡ doanh nghiệp cũng có ảnh hưởng đến tâm trạng của các chủ doanh nghiệp khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới. Kết quả phân tích cho thấy, các chủ doanh nghiệp lớn có tâm trạng vui mừng, phấn khởi nhiều hơn các chủ doanh nghiệp nhỏ khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới nhưng mức độ không thường xuyên. Chẳng hạn, điểm trung bình thể hiện sự quan tâm, phấn khởi khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới ở nhóm chủ doanh nghiệp lớn là 2,08; nhóm chủ doanh nghiệp vừa là 1,96 và nhóm chủ doanh nghiệp nhỏ là 1,93. Sự khác biệt này có thể có thể do các chủ doanh nghiệp lớn nhìn thấy nhiều cơ hội thuận lợi mà nền kinh tế thế giới đem lại cho doanh nghiệp của họ khi nước ta tham gia hội nhập hơn các chủ doanh nghiệp nhỏ nên họ có tâm trạng vui mừng hơn (hoặc có thể các doanh nghiệp lớn thường có vốn lớn hơn nên vững vàng hơn trên thị trường, nên chủ doanh nghiệp lớn có tâm trạng phấn khởi hơn khi hội nhập kinh tế thế giới trong khi các chủ doanh nghiệp nhỏ lại sợ bị đè bẹp khi tham gia hội nhập thế giới).

Kết quả phân tích mức độ phù hợp giữa lĩnh vực kinh doanh với nghề được đào tạo của doanh nhân cũng cho thấy, những người có lĩnh vực kinh doanh phù hợp với nghề được đào tạo quan tâm và vui mừng hơn các doanh nhân hành nghề kinh doanh không đúng với ngành nghề được đào tạo trước sự kiện gia nhập kinh tế thế giới của nước nhà với ĐTB tương ứng là 2,06 và 1,88. Phải chăng, chính ngành nghề đào tạo phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đã khiến các doanh nhân dễ dàng nhìn thấy những cơ hội mà hội nhập đem lại, vì vậy mà họ có tâm trạng vui mừng hơn và quan tâm đến sự kiện này hơn.

Tóm lại: Nhìn một cách tổng thể, có thể nhận thấy, đứng trước những cơ hội và thách thức khi nước nhà hội nhập kinh tế thế giới thì số đông doanh nhân tỏ ra khá bình thản trước sự kiện này. Tuy nhiên, xu hướng chung thì doanh nhân Việt Nam quan tâm nhiều hơn đến những tác động tích cực hơn là những ảnh hưởng tiêu cực mà nền kinh tế thế giới đem lại. Những chủ doanh nghiệp lớn, những người có chức vụ cao trong doanh nghiệp, những doanh nhân trên 40 tuổi, những doanh nhân có lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành nghề được đào tạo có tâm trạng vui mừng, phấn khởi khi nước ta hội nhập kinh tế thế giới hơn những doanh nhân khác.

Chú thích

Bài viết được rút ra từ số liệu nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “*Nghiên cứu một số đặc điểm tâm lý xã hội cơ bản của tầng lớp doanh nhân nước ta*” do Th.S Nguyễn Thị Lan và TS. Đỗ Ngọc Khanh làm chủ nhiệm đề tài, Cơ quan chủ trì thực hiện: Viện Tâm lý học. Đề tài được thực hiện trong 2 năm 2009 - 2010.